| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ THUẬN AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: 159/2020/QĐST-HNGĐ | *Thuận An, ngày 13 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1982;

- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Cùng thường trú tại: Thôn Hạ Đồng, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi tạm trú: 24/16 khu phố Bình Phú, phường C, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Văn D và bà Trần Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46/KHHBT, quyển số 01/2010, ngày 18/10/2010. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn D và bà Trần Thị Thanh T có 02 con chung tên Lê Bảo T sinh ngày 31/5/2011 và Lê Bảo H, sinh ngày 26/02/2018. Sau khi ly hôn, bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng/người con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 4/2020.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông D và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không D tại Trung tâm hòa giải và đối thoại, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn D và bà Trần Thị Thanh T.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 31/5/2011 và Lê Bảo H, sinh ngày 26/02/2018.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng/người con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 4/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Lê Văn D và bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0046234 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

**THẨM PHÁN**

**Trần Huỳnh Minh Trí**